

KHẢO SÁT VIỆC SỬ DỤNG CÔNG CỤ AI VÀ NHỮNG QUAN NGẠI CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Minh Huy
Trường Đại học Ngoại Ngữ - Tin Học TP.HCM

Tóm tắt: Bài nghiên cứu khảo sát cách sử dụng AI của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại HUFLIT trong học tập và góc nhìn của sinh viên về an toàn thông tin. Dựa trên dữ liệu thu thập từ 278 sinh viên, nghiên cứu cho thấy sinh viên dùng AI chủ yếu để phát triển ý tưởng, tóm tắt giáo trình và hỗ trợ về ngôn ngữ. Nhiều sinh viên cho biết họ có kiểm tra lại kết quả do AI tạo ra, tuy nhiên họ cũng bày tỏ lo ngại rằng có thể bị xem là gian lận trong học tập. Điều đáng lưu ý là sinh viên cũng rất cẩn trọng khi xử lý thông tin nhạy cảm. Kết quả nghiên cứu gợi ý cần phải có hướng dẫn rõ ràng hơn từ phía nhà trường và giảng viên, cần nâng cao năng lực hiểu biết về AI, và xây dựng các quy định minh bạch hơn về liên chính học thuật.

Từ khóa: AI tạo sinh, giáo dục đại học, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh.

EXPLORING STUDENTS' USE OF AI AND THEIR CONCERNS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES - INFORMATION TECHNOLOGY

Abstract: This descriptive cross-sectional study examines how English-major students at HUFLIT use AI in learning and how they perceive information security. Drawing on data from 278 students, the study shows that AI is used mainly for idea generation, summarizing coursebooks, and language support. Many students report checking the results from AI, yet they claimed that they have concerns about being labelled as cheating. Students are also very careful when handling sensitive information. The findings point to the need for clearer guidance from the university, stronger AI literacy, and more transparent rules in terms of academic integrity.

Keywords: Generative AI, higher education, English-major students.

Nhận bài: 16/01/2026

Phản biện: 05/02/2026

Duyệt đăng: 09/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (generative AI) và các mô hình ngôn ngữ lớn đã nhanh chóng thâm nhập vào hoạt động học tập và đánh giá trong giáo dục đại học, kéo theo đồng thời: cơ hội hỗ trợ học tập cá nhân hóa, tăng hiệu quả xử lý thông tin; và rủi ro về độ tin cậy thông tin, thiên lệch, phụ thuộc quá mức, liên chính học thuật, cùng các vấn đề về quyền riêng tư dữ liệu (Ravšelj et al., 2025). Trong bối cảnh này, UNESCO nhấn mạnh các hệ thống giáo dục cần hành động kịp thời: phát triển năng lực con người, xây dựng chính sách và cơ chế bảo vệ, đặc biệt liên quan đến dữ liệu riêng tư và việc năng lực thẩm định công cụ AI (UNESCO, 2023). Đồng quan điểm này, báo cáo của Văn phòng Công nghệ Giáo dục, thuộc Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, khuyến nghị các bên liên quan (nhà trường, giảng viên, người học, nhà cung cấp) cần phát triển cách tiếp cận “có trách nhiệm” đối với AI trong dạy-học, nhấn mạnh tính minh bạch, cũng như năng lực quản trị và quản lý rủi ro (U.S. Department of Education, 2023).

Trong thực tiễn tại trường đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT),

hiểu biết của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh về cách sử dụng AI có trách nhiệm còn tương đối hạn chế. Đặc biệt ở các môn thuộc nhóm Ngôn ngữ học Ứng dụng thiên nhiều về lý thuyết như Ngữ âm - Âm vị học hoặc Hình thái - Cú pháp học, nhiều sinh viên vẫn còn mơ hồ và chưa thật sự biết rõ cách sử dụng AI để hỗ trợ việc học cho hiệu quả. Ngoài ra, hiện chưa có tài liệu hướng dẫn chính thống cũng như các quy định về quy cách sử dụng từ phía nhà trường. Như vậy, các thông tin về mức độ phổ cập sử dụng và “cách thức sử dụng” AI của sinh viên là dữ liệu nền quan trọng để thiết kế các biện pháp can thiệp: từ hướng dẫn kỹ năng đến điều chỉnh các cách đánh giá và quy định về liên chính học thuật. Các khảo sát quy mô quốc gia về sinh viên đại học ở một số bối cảnh cho thấy mức độ sử dụng AI tạo sinh có thể tăng rất nhanh chỉ trong 1-2 năm (Freeman, 2025). Vì vậy, một mô tả định lượng tại từng cơ sở đào tạo—dù chỉ ở mức thống kê mô tả—vẫn có giá trị thực tiễn nhằm định vị thực trạng và hỗ trợ việc xây dựng các chính sách giáo dục phù hợp.

Bài báo này tập trung mô tả các khía cạnh sử dụng AI trong học tập của sinh viên tại HUFLIT thông qua dữ liệu đã được tổng hợp và trực quan hóa. Các câu hỏi nghiên cứu như sau:

1. Thực trạng ứng dụng AI trong hoạt động học tập của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại HUFLIT hiện nay như thế nào?

2. Ý thức của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại HUFLIT về bảo mật và an toàn thông tin hiện nay như thế nào?

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan tài liệu

2.1.1. Thói quen sử dụng AI trong học tập của sinh viên đại học

Các nghiên cứu gần đây về ChatGPT và AI tạo sinh trong giáo dục đại học cho thấy các công cụ này được sử dụng theo nhiều cách khác nhau, bao gồm phát triển ý tưởng, tóm tắt nội dung, hỗ trợ viết bản nháp, phản hồi nhanh và hỗ trợ học tập cá nhân hóa (Kasneci và cộng sự, 2024; Ravšelj và cộng sự, 2025). Đồng thời, các nghiên cứu này cũng chỉ ra những thách thức như độ chính xác, “ảo tưởng năng lực” (OECD, 2026), sự suy giảm tư duy phản biện khi lạm dụng AI, và những điểm yếu trong thiết kế đánh giá (OECD, 2026). Ngoài ra, xu hướng nghiên cứu hiện nay đặc biệt tập trung vào ý định sử dụng, sự chấp nhận công nghệ và các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh đại học (Baig & Yade-garidehkordi, 2024).

OECD nhận định rằng, ở cấp độ quốc gia và khu vực, định hướng về AI tạo sinh trong giáo dục đang dần chuyển từ câu hỏi liệu nên “cấm hay cho phép” sang việc xác lập những “điều kiện sử dụng” hợp lý, đặc biệt về mảng đánh giá năng lực và trách nhiệm giải trình (OECD, 2023). Song song với đó, các “hàng rào bảo vệ” (guardrails) nhằm bảo đảm tính công bằng, an toàn và hiệu quả trong việc sử dụng AI trong giáo dục cũng được nhấn mạnh, đặc biệt là nhu cầu nâng cao năng lực của giáo viên và người học, cũng như tăng cường tính minh bạch về việc sử dụng AI (OECD & Education International, 2023).

2.1.2. Những quan ngại khi sử dụng AI của sinh viên

Trong tình huống giáo dục có sử dụng AI tạo sinh, thách thức thường gặp là ranh giới giữa

“hỗ trợ hợp lý” (ví dụ gợi ý cấu trúc hoặc tạo phản hồi để sửa lỗi sai) và “thay thế luôn nỗ lực học” (ví dụ AI tạo bài làm hoàn chỉnh) (International Center for Academic Integrity, 2021). Ranh giới này ngày càng trở nên mờ nhạt theo thời gian, làm dấy lên lo ngại trong cả sinh viên lẫn giảng viên về gian lận trong kiểm tra đánh giá và tính công bằng (UNESCO, 2023).

Ngoài ra, sự lan rộng của công cụ “phát hiện văn bản AI” (AI detector), dù là một công cụ hỗ trợ đắc lực, nhưng lại tạo thêm không ít vấn đề. Ngay cả các nhà cung cấp công cụ phát hiện AI cũng thừa nhận nguy cơ dương tính giả (Dalalah & Dalalah, 2023) và khuyến nghị thận trọng trong diễn giải. Điều này có thể tạo thêm tâm lý lo ngại bị “gắn mác” gian lận dù mục đích và động cơ sử dụng AI là chính đáng.

Cuối cùng, quyền riêng tư và dữ liệu nhạy cảm cũng là mối bận tâm lớn khi người học nhập dữ liệu vào các công cụ AI trực tuyến. UNESCO cảnh báo về khoảng trống quy định tại nhiều quốc gia và rủi ro bảo vệ dữ liệu người dùng, đồng thời khuyến nghị các biện pháp bảo vệ người dùng và năng lực thẩm định công cụ (UNESCO, 2023). Bên cạnh đó, National Institute of Standards and Technology - NIST (2023) còn đề ra các biện pháp khuyến nghị xoay quanh nguyên tắc tránh nhập thông tin định danh vào các công cụ AI mở để bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu nhạy cảm (National Institute of Standards and Technology, 2023).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng và công cụ khảo sát

Đối tượng khảo sát là 278 sinh viên HUFLIT theo học ngành Ngôn ngữ Anh từ năm nhất đến năm ba trong các môn học khác nhau. Khoảng 58% là nữ và 42% là nam. Với bộ câu hỏi gồm bảy nội dung:

- Bốn mục theo thang 1–5: tần suất sử dụng AI; mức độ kiểm tra đầu ra của AI; mức độ lo ngại bị xem là gian lận; và sự e ngại khi nhập nội dung nhạy cảm vào AI.
- Ba mục cho phép chọn nhiều đáp án: nơi sử dụng AI; cách sinh viên biết đến AI; và mục đích sử dụng AI.

2.2.2. Xử lý thống kê dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang dựa trên dữ liệu bảng hỏi khảo sát đã

được tổng hợp sẵn (N = 278), cùng với bảy biểu đồ trực quan tương ứng với bảy câu hỏi nghiên cứu.

Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả, xem xét tần suất, tỷ lệ phần trăm và xu hướng phân bố. Đối với các mục cho phép chọn nhiều đáp án, tỷ lệ phần trăm được tính theo tỷ lệ người trả lời chọn từng phương án trên tổng số N = 278. Dữ liệu thống kê được trình bày trực quan bằng biểu đồ cột hoặc biểu đồ tròn nhằm hỗ trợ việc so sánh.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Tần suất sử dụng AI trong học tập

Đối với câu hỏi về tần suất sử dụng AI (thang 1–5), có 4 sinh viên chọn mức 1 (1,4%), 15 sinh viên chọn mức 2 (5,4%), 85 sinh viên chọn mức 3 (30,6%), 69 sinh viên chọn mức 4 (24,8%), và 105 sinh viên chọn mức 5 (37,8%). Tỷ lệ gộp của mức 4 và 5 đạt 62,6% (174/278), cho thấy AI đã trở thành một công cụ học tập được sử dụng thường xuyên đối với phần lớn sinh viên được khảo sát.

Có thể nói AI đã trở thành công cụ học tập tương đối quen thuộc đối với phần lớn sinh viên được khảo sát, thay vì chỉ được sử dụng rải rác bởi một nhóm nhỏ. Tần suất sử dụng AI tạo sinh cao thể hiện sự thay đổi trong thói quen học tập của người học - xu hướng này khá dễ thấy trong các khảo sát sinh viên ở một số bối cảnh khác (Wang et al., 2024), trong đó tỷ lệ sử dụng AI phục vụ cho học tập/đánh giá tăng nhanh theo thời gian. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng mức độ sử dụng cao không đồng nghĩa với việc sử dụng hiệu quả; khả năng bị phụ thuộc, học tập một cách hời hợt và tỷ lệ sai lệch thông tin có thể tăng nếu thiếu hướng dẫn về cách kiểm chứng thông tin và tư duy phản biện (Kasneji et al., 2024).

2.3.2. Bối cảnh sử dụng AI

Đối với câu hỏi “sử dụng AI ở đâu”, 246 sinh viên (88,5%) cho biết sử dụng ở nhà, 162 (58,3%) sử dụng tại trường, và 93 (33,5%) sử dụng trên điện thoại khi di chuyển; lựa chọn “khác” chiếm 8 (2,9%). Có thể thấy AI đi cùng nhịp tự học: ở nhà chiếm ưu thế tuyệt đối và việc dùng trên điện thoại khi di chuyển cũng đáng kể, nhưng đồng thời cũng xuất hiện với tần suất ngày càng cao trong bối cảnh học tập tại cơ sở đào tạo. Đáng lưu ý là AI được sinh viên sử dụng nhiều ngoài môi trường lớp học, mà đây

cũng là nơi mà người học tự quyết định mục tiêu và cách dùng công cụ AI với rất ít kiểm soát và các quy định nhằm bảo vệ người sử dụng.

2.3.3. Nguồn tiếp cận công cụ AI

Về “nguồn giới thiệu AI”, tỷ lệ cao nhất thuộc về tự tìm hiểu với 194 lượt phản hồi (69,8%) và mạng xã hội với 178 lượt (64,0%). Tiếp theo là bạn bè với 122 lượt (43,9%) và giảng viên với 86 lượt (30,9%). Các thông số thể hiện rằng kênh tiếp cận AI của sinh viên thiên về hướng phi chính thức (tự khám phá, mạng xã hội, bạn bè) hơn là kênh hướng dẫn có cấu trúc từ nhà trường/giảng viên. Xu hướng này không gây ngạc nhiên vì nếu xét đến thực tế là nhà trường hiện chưa có hướng dẫn chính thức nào. Do đó, chênh lệch giữa mức độ tiếp cận tại các kênh không chính thống và mức độ tiếp cận các hướng dẫn chính thức từ nhà trường/giảng viên có thể là một khoảng trống mà cần được các chính sách ưu tiên, nhất là ở môi trường đại học định hướng công dân toàn cầu và năng lực học tập suốt đời như tại HUFLIT.

2.3.4. Mục đích sử dụng AI

Đối với câu hỏi về mục đích sử dụng AI, những mục đích nổi bật nhất gồm phát triển ý tưởng (251; 90,3%), tóm tắt tài liệu (220; 79,1%), và dịch/kiểm tra ngữ pháp (201; 72,3%). Các mục đích ở mức trung bình gồm viết bài thuyết trình hoặc kịch bản (120; 43,2%), kiểm tra tài liệu tham khảo/trích dẫn (116; 41,7%), và luyện nói/nghe (110; 39,6%).

Trong bối cảnh của nghiên cứu này, sinh viên theo học ngành Ngôn ngữ Anh sử dụng AI chủ yếu như một công cụ hỗ trợ ngôn ngữ và xử lý học liệu (ý tưởng–tóm tắt–dịch), nhiều hơn là công cụ cho nhiệm vụ kỹ thuật (ví dụ như lập trình). Kết quả khá tương thích với mô tả trong các nghiên cứu về cách sinh viên thường sử dụng ChatGPT/AI tạo sinh trong bối cảnh đại học (Baig & Yadegaridehkordi, 2024).

Đồng thời, tỷ lệ đáng kể sử dụng AI cho việc “kiểm tra trích dẫn/tham khảo” (41,7%) gợi ý xu hướng thận trọng trong sinh viên: AI tạo sinh có thể tạo ra thông tin hoặc trích dẫn không chính xác nếu không được kiểm chứng. Do đó các khoá huấn luyện kỹ năng kiểm tra nguồn và thực hành trích dẫn chuẩn thiết nghĩ là cần thiết trong chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu khoa học.

2.3.5. Mức độ kiểm tra đầu ra của AI

Đối với câu hỏi về mức độ sinh viên kiểm tra đầu ra của AI (thang 1–5 từ thấp đến cao), tỷ lệ gộp của mức 4 và 5 đạt 62%, cho thấy phần lớn người học đã hình thành được thói quen kiểm chứng thông tin do AI tạo ra. Đây là một điểm mạnh: cho thấy sinh viên không hoàn toàn “phó mặc” cho AI. Tuy vậy, vẫn có 15% người học tự đánh giá ở mức 1–2; con số này nói lên thực trạng rằng vẫn còn các nhóm cần ưu tiên huấn luyện về kỹ năng thực hành đối chiếu/ kiểm chứng thông tin đầu ra từ AI, vì việc kiểm tra không triệt để có thể làm tăng nguy cơ tiếp thu tri thức sai lệch và hình thành “ảo tưởng năng lực” (OECD, 2026).

2.3.6. Mức độ lo ngại bị xem là gian lận

Đối với câu hỏi về mức độ lo ngại bị xem là gian lận (thang 1–5 từ thấp đến cao), tỷ lệ gộp của mức 4–5 vào khoảng 63%, phản ánh rằng nỗi lo bị nghi ngờ là gian lận khá phổ biến trong sinh viên tại HUFLIT. Sự quan ngại với mức độ cao như thế này gợi ý rằng có thể chính sách vẫn chưa đủ rõ, hoặc chưa đủ nhất quán giữa các môn học/ giảng viên về ranh giới nào được phép sử dụng AI. Trong khung giá trị liêm chính học thuật, cảm nhận về tính công bằng và trách nhiệm giải trình là các yếu tố lõi; nếu quy tắc không rõ ràng, mức lo ngại của người học có thể tăng, đồng thời làm giảm động lực sử dụng AI theo hướng minh bạch (International Center for Academic Integrity, 2021). Ở góc độ quản trị môn học, nếu quy định không rõ ràng, sinh viên có thể hoặc dùng AI lén lút do nỗi sợ tăng cao, hoặc né dùng AI ngay cả khi AI có thể hỗ trợ học tập chính đáng, dẫn đến việc người học bỏ mất các cơ hội học tập và nâng cao kỹ năng từ AI.

Ngoài ra, thói quen sử dụng công cụ phát hiện AI từ phía giảng viên cũng có mức ảnh hưởng nhất định, tạo tâm lý lo ngại. Ngay chính nhà cung cấp dịch vụ dò tìm và phát hiện AI cũng cảnh báo nguy cơ “đương tính giả”, và độ tin cậy thấp ở một số trường hợp, nhấn mạnh nhu cầu diễn giải thận trọng (Dalalah & Dalalah, 2023).

Thay vì nhấn mạnh “cấm” sử dụng AI, thiết nghĩ sinh viên cần được phổ biến theo hướng “tự do trong khuôn khổ” - làm rõ giữa điều gì được phép, ví dụ như gợi ý ý tưởng, kiểm tra ngữ pháp, hoặc tóm tắt có đối chiếu, và điều gì

không được phép, ví dụ như nộp nguyên văn đầu ra AI. Bên cạnh đó, cần cân nhắc cơ chế sử dụng minh bạch như yêu cầu khai báo mức độ sử dụng. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm của UNESCO về xây dựng năng lực và chính sách lấy con người làm trọng tâm (human-centred) đối với AI trong giáo dục (UNESCO, 2023).

2.3.7. Mức độ ngại khi đưa nội dung nhạy cảm vào AI

Đối với câu hỏi đo lường sự e ngại khi sinh viên đưa nội dung nhạy cảm vào AI (thang 1–5 từ thấp đến cao), có thể thấy tỷ lệ gộp của mức 4–5 chiếm hơn một nửa số sinh viên được hỏi. Kết quả phản ánh mức độ nhận thức tương đối cao của sinh viên đối với nội dung nhạy cảm. Trong bối cảnh thực tiễn tại HUFLIT, kết quả này là một tín hiệu tốt—sinh viên đã có những phản xạ thận trọng nhất định. Tuy nhiên, tỷ lệ lớn ở mức 3 (35%) cũng chỉ ra một bộ phận còn do dự hoặc không chắc; đây là đối tượng phù hợp để huấn luyện về phân loại dữ liệu (dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu học tập) và quy tắc tối thiểu hóa dữ liệu khi dùng AI (UNESCO, 2023). Song song đó, thông số cũng gợi ý sự cần thiết phải có chính sách tại cấp cơ sở đào tạo vì đây có thể trở thành lớp bảo vệ quan trọng cho người học (UNESCO, 2023).

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy AI đã được sinh viên sử dụng rộng rãi trong học tập, đặc biệt cho các mục đích như gợi ý ý tưởng, tóm tắt tài liệu và hỗ trợ về ngôn ngữ. Dù vậy, mức lo ngại bị xem là gian lận cũng rất đáng kể—gợi ý khoảng trống về quy định và thiết kế đánh giá trong môi trường có sử dụng AI. Đồng thời, sự thận trọng đối với nội dung nhạy cảm phản ánh nhận thức về rủi ro dữ liệu, tương thích với các cảnh báo và khuyến nghị từ UNESCO và các hướng dẫn quản trị/ quy định dữ liệu (UNESCO, 2023). Các kết quả gợi ý nhu cầu cấp thiết về hướng dẫn chính thức, quy định môn học minh bạch, và phát triển năng lực AI gắn liền với kiểm chứng và liêm chính học thuật.

Từ các kết quả trên, có thể đề xuất một số khuyến nghị trọng tâm cho bối cảnh HUFLIT:

Thứ nhất, nhà trường cần ban hành hướng dẫn sử dụng AI theo hướng được phép dùng nhưng có điều kiện, nhấn mạnh tính minh bạch,

trách nhiệm cá nhân và tiêu chí đánh giá năng lực thực học của sinh viên.

Thứ hai, cần đặt ưu tiên nền tảng cho chương trình phổ cập kiến thức về AI bao gồm cách đặt câu lệnh, cách kiểm chứng, cách trích dẫn/ đối chiếu nguồn, và nhận biết giới hạn của AI tạo sinh; tránh được các rủi ro học sơ sài và sai lệch thông tin khi người học không được trang bị kỹ năng hoàn chỉnh (OECD, 2026).

Thứ ba, khi xử lý gian lận học thuật, cần thận trọng với nhận xét từ công cụ phát hiện

AI, do "dương tính giả" (Dalalah & Dalalah, 2023) và các hạn chế về diễn giải từ phía công cụ; thay vào đó, tăng cường thiết kế đánh giá xác thực (authentic assessment) (Wiggins, 1998), mở rộng đối thoại và các cơ chế minh bạch học thuật.

Thứ tư, cần chuẩn hóa hướng dẫn về dữ liệu và quyền riêng tư khi dùng AI: tránh nhập dữ liệu định danh/ dữ liệu nhạy cảm, khuyến khích tối thiểu hóa dữ liệu, và tăng năng lực phân loại dữ liệu cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baig, M. I., & Yadegaridehkordi, E. (2024). ChatGPT in higher education: A systematic literature review and research challenges. *International Journal of Educational Research*, 127, 102411. <https://doi.org/10.1016/j.ijer.2024.102411>
- Dalalah, D., & Dalalah, O. M. A. (2023). The false positives and false negatives of generative AI detection tools in education and academic research: The case of ChatGPT. *International Journal of Management Education*. <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2023.100822>
- Freeman, J. (2025). Student generative AI survey 2025. Higher Education Policy Institute (HEPI).
- Kasneci, E., et al. (2024). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Computers & Education: Artificial Intelligence*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0883035524000971>
- National Institute of Standards and Technology. (2023). Artificial intelligence risk management framework (AI RMF 1.0) (NIST AI 100-1). U.S. *Department of Commerce*. <https://doi.org/10.6028/NIST.AI.100-1>
- OECD. (2023). OECD digital education outlook 2023: Towards an effective digital education ecosystem. *OECD Publishing*. <https://doi.org/10.1787/c74f03de-en>
- OECD. (2026). OECD digital education outlook 2026: Exploring effective uses of generative AI in education. *OECD Publishing*. <https://doi.org/10.1787/062a7394-en>
- OECD & Education International. (2023). Opportunities, guidelines and guardrails for effective and equitable use of AI in education. *OECD Publishing*.
- Ravšelj, D., Kerzič, D., Tomažević, N., Umek, L., Brezovar, N., Iahad, N. A., et al. (2025). Higher education students' perceptions of ChatGPT: A global study of early reactions. *PLOS ONE*, 20(2), e0315011. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0315011>
- UNESCO. (2023). Guidance for generative AI in education and research. *UNESCO*. <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
- U.S. Department of Education, Office of Educational Technology. (2023). Artificial intelligence and the future of teaching and learning: Insights and recommendations. *U.S. Department of Education*. <https://tech.ed.gov/ai-future-of-teaching-and-learning/>
- Wang, S., Wang, F., Zhu, Z., Wang, J., Tran, T., & Du, Z. (2024). Artificial intelligence in education: A systematic literature review. *Expert Systems with Applications*, 252(Part A), 124167. <https://doi.org/10.1016/j.eswa.2024.124167>
- Wiggins, G. (1998). Ensuring authentic performance. In *Educative assessment: Designing assessments to inform and improve student performance* (pp. 21–42). *Jossey-Bass*.